

Khả năng Việt Nam

bị đánh "lây" thuế chống bán phá giá

GS. Claudio Dordi, Dự án MUTRAP III

1. Giới thiệu

Từ tháng 3 năm 2006, Liên minh châu Âu EC (sau này là EU)¹ đã áp dụng biện pháp chống bán phá giá đối với sản phẩm giấy mũ da (gọi tắt là FUL) nhập khẩu từ Việt Nam²; các biện pháp (mức thuế là 10%) đã hết thời hạn áp dụng vào ngày 31 tháng 3 vừa qua vì không có nhà sản xuất nào ở EU yêu cầu Ủy ban EC tiếp tục áp dụng những biện pháp này. Bài viết này, dựa trên một nghiên cứu tập trung vào các số liệu được lấy

nguồn từ EUROSTAT³, có hai mục tiêu chính: thứ nhất là bài viết sẽ cố gắng cung cấp một số thông tin mới về những lý do đằng sau quyết định của EU vào năm 2005 để bắt đầu việc điều tra đối với sản phẩm FUL của cả Trung Quốc và Việt Nam; thứ hai là thông qua việc phân tích số liệu xuất khẩu giấy mũ da sang EU sau tháng 3 năm 2011, bài viết sẽ đưa ra một sự đánh giá đầu tiên về tác động của việc hết thời hạn áp dụng thuế chống bán phá giá.

Bảng 1: Xu hướng nhập khẩu sản phẩm FUL từ Trung Quốc và Việt Nam và tác động

Nguồn: Ủy ban EC

	Trung Quốc	Việt Nam
Gia tăng nhập khẩu vào EU giai đoạn 2004-05	+450%	-1%
Gia tăng nhập khẩu vào EU giai đoạn 2001-05	+ 1000%	+ 95%
Đơn giá giảm trung bình giai đoạn 2001-05	-32%	-20%
Sự giảm việc làm trong ngành sản xuất FUL của EU	- 40.000 việc làm	
Sản xuất sản phẩm FUL tại EU giai đoạn 2001-2005	- 30%	

¹ Trong bài viết này, chúng tôi sử dụng cụm từ "EC" cho giai đoạn trước khi Hiệp ước Lisbon có hiệu lực. Sau khi Hiệp ước Lisbon có hiệu lực, cụm từ chính xác nhất là "EU".

² Một mức thuế tạm thời đã được áp dụng từ ngày 23 tháng 3 năm 2006: xem Quy định số 553/2006 của EC. Mức thuế cuối cùng đã được ấn định áp dụng từ ngày 7 tháng 10 năm 2006, xem tài liệu OJ L 98/2006 của EC. Quy định số 1472/2006 của EC trong tài liệu OJ L275/2006 của EC.

³ Thuế chống bán phá giá ở EU áp dụng cho các sản phẩm được xác định theo cấp 10 số. EUROSTAT có số liệu đối với các sản phẩm được xác định theo cấp 8 số. Mức độ sai số là rất nhỏ, tuy nhiên các số liệu được công bố rất hữu ích trong việc thể hiện xu hướng và không được xem là hoàn toàn chính xác.

⁴ Xem "Vụ điều tra chống bán phá giá của EU đối với giấy da xuất xứ từ Việt Nam và Trung Quốc đi vào giai đoạn cuối", Ủy ban EC, Bruxelles, 2005 tại địa chỉ: http://trade.ec.europa.eu/doclib/docs/2006/july/tradoc_129249.pdf

2. EU chống bán phá giá đối với giấy da của Trung Quốc và Việt Nam: tại sao?

Thuế chống bán phá giá có thể được áp dụng khi nước nhập khẩu có thể chứng minh (sau một quy trình được tiến hành phù hợp với các quy định của WTO) rằng việc gia tăng nhập khẩu một sản phẩm nhất định với một mức giá "bị phá" đã gây tổn hại cho các nhà sản xuất nội địa. Việc điều tra thông thường được tiến hành bởi một cơ quan có thẩm quyền của nước nhập khẩu sau khi một nhóm các nhà sản xuất nội địa chiếm một quy mô sản xuất đáng kể đối với sản phẩm đang được xem xét điều tra (25%) đệ trình một bản khiếu nại chính thức.

Điều gì đã xảy ra trong vụ kiện sản phẩm FUL này? Tại sao Hiệp hội ngành giấy dếp châu Âu đệ trình bản khiếu nại vào ngày 30 tháng 5 năm 2005? Câu trả lời có thể dễ dàng tìm thấy trong các số liệu do Ủy ban EU cung cấp và được tóm tắt trong bảng 1⁴.

Cần phải nhấn mạnh rằng sự gia tăng xuất khẩu từ Trung Quốc giai đoạn 2004-05 lên tới 450% trong khi cùng giai đoạn đó, xuất khẩu sản phẩm FUL của Việt Nam giảm đi 1%. Bảng 1 rõ ràng cho thấy số liệu chủ yếu chứng minh cho vụ điều tra chống bán phá giá sản phẩm FUL từ Trung Quốc. Tại sao các nhà sản xuất EU lại mở rộng quy mô việc điều tra với cả sản phẩm FUL của Việt Nam?

Câu trả lời nằm ở trong quá trình diễn ra chính sách chống bán phá của EU đối với sản phẩm FUL của Trung Quốc và những ảnh hưởng "bên lề" đối với Việt Nam. Từ tháng 3 năm 1998, EU đã áp thuế chống bán phá

giá đối với sản phẩm FUL và nhựa (gọi tắt là FULP) xuất xứ từ Trung Quốc, In-đô-nê-xi-a và Thái Lan. Mức thuế đặc biệt rất khắt khe với Trung Quốc vì nó lên tới bằng mức chênh lệch giữa 5,7 euro với giá trị xuất khẩu (trước thuế) của sản phẩm FUL xuất xứ từ Trung Quốc. Tháng 1 năm 2000, EC đã ký kết một bản ghi nhớ thỏa thuận (MOU) với Việt Nam về “ngăn chặn gian lận trong thương mại đối với các sản phẩm giấy dếp”. Bản ghi nhớ đã được ký kết với mục tiêu nhằm “có hành động phù hợp để ngăn chặn những khai báo không trung thực về xuất xứ bởi các bên thứ ba làm giảm thực sự tiềm năng xuất khẩu, việc làm và giá trị gia tăng của các sản phẩm giấy dếp Việt Nam” (các tuyên bố thứ ba trong phần lời nói đầu). Lý do thực sự phía sau việc cần thiết phải có MOU với Việt Nam được thể hiện rõ trong bản đề xuất của Ủy ban lên Hội đồng vào tháng 11 năm 1999. Bản đề xuất này, sau khi đề cập rằng thị phần của sản phẩm giấy dếp Việt Nam tại thị trường EU đã tăng lên đáng kể do hạn ngạch và thuế chống bán phá giá đánh vào hàng nhập khẩu từ Trung Quốc, cho biết từ tháng 7 năm 1998, các cơ quan có thẩm quyền của Tây Ban Nha đã yêu cầu Ủy ban thực hiện một hệ thống giám sát ưu tiên đối với sản phẩm FUL có xuất xứ từ Việt Nam. Về vấn đề này, cần phải nhắc lại rằng cơ quan chống gian lận của Ủy ban (OLAF) hiện đang tiến hành điều tra một kê khai bị cho là giả dối về xuất xứ của một số hàng giấy dếp xuất khẩu từ Việt Nam sang EU”.

Sau khi hết thời hạn áp dụng biện pháp chống bán phá giá đối với sản phẩm FUL của Trung Quốc vào tháng 3 năm 2008 và bãi bỏ hạn ngạch đối với sản phẩm giấy dếp Trung Quốc (vào cuối năm 2004), vào năm 2005, EU đã trải qua một sự bùng nổ như đã đề cập ở trên về nhập

khẩu sản phẩm FUL từ Trung Quốc. Hàng xuất khẩu từ Trung Quốc gia tăng, cùng với sự sụt giảm về nhập khẩu từ In-đô-nê-xi-a, Thái Lan và đặc biệt là Việt Nam đã càng ủng hộ quan điểm cho rằng trong suốt thời kỳ áp dụng biện pháp chống bán phá giá và hạn ngạch, một số lượng quan trọng giấy dếp của Trung Quốc đã trốn tránh các biện pháp hạn chế của EU bằng cách xuất khẩu thông qua những nước ở trên. Rõ ràng điều này đóng vai trò quan trọng trong quyết định của các nhà sản xuất sản phẩm FUL của EU về mở rộng phạm vi khiếu nại đối với mặt hàng giấy dếp từ Việt Nam.

Quan điểm này dường như đã được chứng minh bởi các xu hướng thể hiện trong bảng 2 cho thấy sản phẩm FUL của Trung Quốc vào năm 2010 đã chiếm thị phần ngang với mức Việt Nam đã đạt được vào năm 2002 và ngược lại, với lưu ý rằng tổng thị phần của 2 nước này không có thay đổi gì đáng kể trong vòng 8 năm qua. Cũng thú vị khi lưu ý tới tác động của biện pháp chống bán phá giá đối

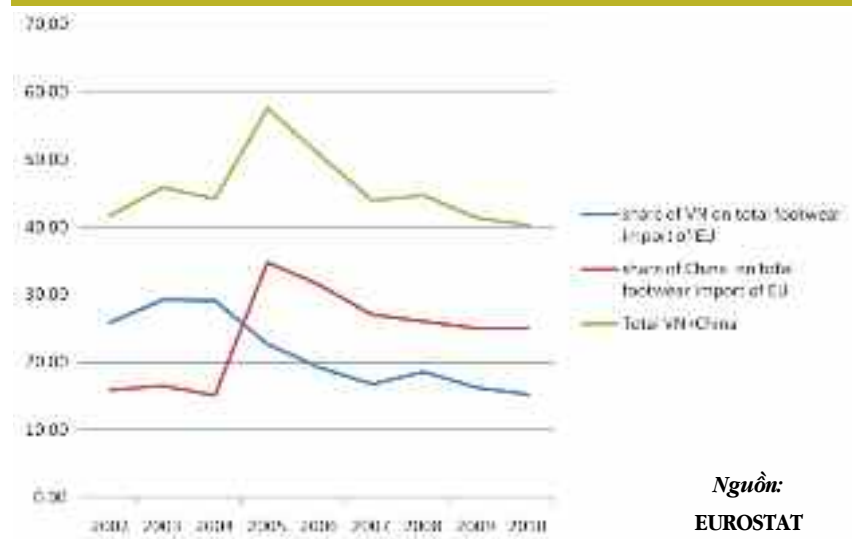
với xuất khẩu của Trung Quốc và Việt Nam từ năm 2006 với sự sụt giảm ít nhưng đều đặn về thị phần của mặt hàng FUL có xuất xứ từ hai nước này tại thị trường EU.

Như vậy, dù có thể còn nhiều biến số khác có ảnh hưởng đến số liệu, chúng ta vẫn có thể kết luận được rằng:

a) Số liệu trên hoàn toàn phù hợp với tình trạng trốn tránh các biện pháp chống bán phá giá “cũ” và hạn ngạch của các nhà sản xuất Trung Quốc trước năm 2005. Trong hoàn cảnh đó, việc các nhà sản xuất FUL của EU đề nghị Ủy ban EU mở rộng phạm vi cuộc điều tra chống bán phá giá năm 2005 đối với các nhà sản xuất của Việt Nam là điều dễ hiểu.

b) Khối lượng xuất khẩu sản phẩm FUL của Trung Quốc tăng mạnh năm 2005 có thể là nguyên nhân chính dẫn đến phản ứng của các doanh nghiệp sản xuất FUL của EU. Cũng vì thế mà các nhà sản xuất Việt Nam phải gánh chịu tác động tiêu cực kép từ điều này. Thứ nhất là sự cạnh tranh không công bằng với hàng FUL “sản xuất tại

Bảng 2: Thị phần của mặt hàng FUL từ Việt Nam và Trung Quốc tại EU (thị phần được tính theo tỷ lệ %)



⁵Xem Quy định của Hội đồng (EC) số 467/98 ngày 23 tháng 2 năm 1998 trong tài liệu OJ, L60/98 của EC, trang 1 ff.

⁶Xem tài liệu OJ, L1/2000 của EC, trang 13ff.

⁷Xem tài liệu COM(1999) 589, 1999/0243 (ACC) tại địa chỉ <http://eur-lex.europa.eu/LexUriServ/LexUriServ.do?uri=COM:1999:0589:FIN:EN:PDF>

⁸Xem tài liệu OJ C46/2003 của EC, trang 7.

Trung Quốc” nhưng lại được xuất khẩu vào EU dưới danh nghĩa Việt Nam nhằm tránh hạn ngạch và các biện pháp chống phá giá cũ. Và thứ hai là việc Việt Nam cũng phải chịu thuế chống phá giá của EU áp dụng với cả Trung Quốc và Việt Nam.

3. Điều gì sẽ xảy ra sau khi thuế chống phá giá hết hạn vào ngày 31 tháng 3 năm 2011?

Những tác động của thuế chống phá giá tới mặt hàng giày mũ da và tác động của việc thuế chống phá giá hết hạn vào hồi tháng 3 là gì?

Có rất nhiều yếu tố liên quan để có thể đánh giá tác động của thuế chống phá giá (và tác động của việc thuế chống phá giá hết hạn) đối với mặt hàng FUL (mã HS 8 số, chỉ bao gồm các mặt hàng bị áp thuế chống phá giá) có nguồn gốc từ Việt Nam và Hàn Quốc. Ngoài yếu tố dòng chảy thương mại, cần phải có thông tin về sự thay đổi nhu cầu của người tiêu dùng EU đối với mặt hàng FUL của Trung Quốc và Việt Nam do giá cả, tình trạng của các đối thủ cạnh tranh và hàng loạt các yếu tố khác vượt ra ngoài phạm vi của nghiên cứu này. Tuy nhiên, xu hướng của dòng chảy thương mại cũng giúp chỉ ra một vài xu hướng đáng tin cậy.

Rõ ràng là thuế chống phá giá đối với sản phẩm FUL có nguồn gốc từ Trung Quốc và Việt Nam vào EU có tác động tiêu cực đến khối lượng hàng xuất khẩu từ hai nước này từ năm

2006. Bảng 4 cho thấy xu hướng xuất khẩu hàng FUL từ Trung Quốc và từ EU trong giai đoạn tháng 4 đến tháng 7 hàng năm.

Do dữ liệu đối với hàng hóa mã HS 8 số hiện có chỉ đến tháng 7 năm 2011 (4 tháng kể từ sau khi thuế chống phá giá hết hiệu lực) nên chúng ta sẽ so sánh số liệu từ tháng 4 đến tháng 7 của các năm để phân tích tác động của việc thuế chống phá giá hết hiệu lực. Việc phân tích số liệu của các năm trước sẽ xác minh không có sự bất thường trong xu hướng xuất khẩu sản phẩm FUL vào thị trường châu Âu trong giai đoạn 4 tháng mà chúng ta chọn để phân tích.

Bảng 4 cho thấy xu hướng xuất khẩu của cả hai nước giữ ở mức ổn định trong giai đoạn từ 2007 đến 2010, trong khi so sánh với các năm trước thì rõ ràng có sự thu hẹp đối với giai đoạn tháng 4 đến tháng 7 năm 2011 (giai đoạn sau khi thuế chống phá giá hết hiệu lực). Trong khi sản phẩm FUL của Trung Quốc xuất vào EU giảm 4,77% thì số lượng của Việt Nam giảm nhiều hơn, ở mức 26,83%. Tuy nhiên, thực tế này hoàn toàn phù hợp với việc thuế chống phá giá mà EU áp đối với mặt hàng FUL của Trung Quốc cao hơn đối với sản phẩm cùng loại của Việt Nam (16,5% với Trung Quốc và 10% với Việt Nam). Như vậy, điều này cho thấy một nghịch lý: nếu so với Trung Quốc thì việc thuế chống phá giá hết hiệu lực lại có tác động bất lợi đối với xuất

khẩu mặt hàng FUL của Việt Nam. Tuy nhiên, trên thực tế để có một bức tranh tổng thể thì cần thiết phải có sự phân tích thấu đáo về nhiều yếu tố khác như tình hình cạnh tranh hàng FUL tại thị trường EU, thị phần của các nhà xuất khẩu khác.

4. Kết luận

Mặc dù chưa đưa ra được một bức tranh tổng thể trên cơ sở phân tích nhiều thông số liên quan, nhưng những phân tích đánh giá của bài viết này cũng phù hợp với ý kiến cho rằng nguyên nhân chính đằng sau quyết định của các nhà sản xuất sản phẩm FUL của EU khi đề nghị mở rộng phạm vi điều tra chống phá giá đối với hàng hóa từ Việt Nam (bên cạnh Trung Quốc) chủ yếu là do xu hướng xuất khẩu mặt hàng FUL của Trung Quốc vào EU, và đặc biệt là khối lượng xuất khẩu tăng mạnh trong năm 2005 (tăng 450% trong vòng 1 năm). Một nguyên nhân nữa là do các nhà sản xuất của EU nghi ngờ rằng Trung Quốc đã tìm cách tránh thuế chống phá giá của EU năm 1998 và hạn ngạch thông qua việc chuyển tải vào Việt Nam.

Chính tình trạng này đã dẫn đến một loạt những hệ quả tiêu cực đối với sản xuất hàng FUL của Việt Nam, bao gồm:

- *Cạnh tranh không công bằng (và không hợp pháp) đối với sản phẩm FUL của Trung Quốc tại thị trường EU;*
- *Cơ quan hải quan và hành chính Việt Nam phải đối mặt với tình trạng giấy chứng nhận xuất xứ giả và chuyển tải bất hợp pháp (như được nêu trong lời tựa của MOU ký năm 1999 giữa EU và Việt Nam);*
- *Gánh nặng chi phí thuế chống phá giá lên mặt hàng FUL của Việt Nam; kiểm tra thiệt hại (ví dụ như thiệt hại đối với ngành sản xuất FUL của EU) do Ủy ban EC tiến hành dựa trên số liệu từ năm 2001 (khi diễn ra tình trạng Trung Quốc trốn tránh thuế chống phá giá và hạn ngạch), và như vậy chúng ta không thể loại trừ những thiệt hại, ít nhất là một phần, của việc hàng Trung Quốc xuất đi dưới danh nghĩa Việt Nam gây ra*♦

Bảng 4: Nhập khẩu của EU từ Trung Quốc và Việt Nam giai đoạn tháng 4 đến tháng 7 hàng năm (đơn vị: triệu euro)

